| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH CAO BẰNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 39/2023/DS-PT<br>Ngày 28-8-2023<br>V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Doanh Thị Mây

*Các Thẩm phán:* Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Nguyễn Thị Như

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:*** Bà Trương Thị Nha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLPT- DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 75/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Phạm Thị H** - sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Trung D thuộc Văn phòng luật sư Nguyễn Trung D – Đoàn Luật sư tỉnh C.

Địa chỉ: Số nhà D, tổ D, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Bị đơn:* **Đàm Thị T** – sinh năm 1991

Địa chỉ: Phố C, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt).

- *Người được bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng*: bà Trần Ngọc L - sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ A, phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* bà Linh Thị A - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Văn T1 - sinh năm 1964
Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Nguyễn Hồng C, sinh năm 1982- Địa chỉ: Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

+ Đàm Thị H1, sinh năm 1979- Địa chỉ: Phố C, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Đàm Thị T.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Phạm Thị H trình bày:

Tôi với ông Nguyễn Văn T1 là vợ chồng, có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đứng tên tôi trong đó có kinh doanh vật liệu xây dựng, ngày 03/10/2015 cô Đàm Thị T đến cửa hàng của gia đình tôi để thỏa thuận miệng với ông Nguyễn Văn T1 mua sơn của hãng K và đặt cọc 03 triệu đồng. Thực hiện sự thỏa thuận, ngày 03/10/2015 ông T1 đã chuyển 13 thùng sơn bằng xe ô tô có cô T đi cùng để giao tại công trình trạm liên hợp cửa khẩu T3, đến ngày 05/10/2015 giao tiếp 50 thùng sơn bằng xe của công ty sơn kèm theo phiếu xuất kho bán hàng. Toàn bộ số lượng sơn, số tiền đã được cô T viết và ký nhận trong sổ theo dõi bán hàng. Sau nhiều lần đốc nợ, cô T không trả, nay tôi yêu cầu cô Đàm Thị T phải trả cho tôi tổng số tiền là 80.403.000,đ tiền sơn còn nợ theo sổ chốt nợ và lãi suất 9.6%/năm kể từ ngày 05/10/2015 đến ngày Tòa án mở phiên tòa giải quyết vụ án. Tại phiên toà hôm nay tôi sửa đổi yêu cầu khởi kiện buộc cô T phải trả 77.403.000đ tiền sơn còn nợ (sau khi trừ 03 triệu đồng tiền đặt cọc) với lãi suất chậm trả là 9,6%/năm kể từ ngày 05/10/2015 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn T1 trình bày: Tôi nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị H. Cô T là người trực tiếp trao đổi bằng miệng mua sơn với tôi với tư cách cá nhân, tôi là người trực tiếp giao sơn cho cô T, sau đó cô T nhận sơn, kiểm tra và viết từng mã thùng sơn nhân thành tiền và ký nhận vào sổ theo dõi bán hàng của gia đình tôi.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người được bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng trình bày ý kiến: Vào ngày 03/10/2015 chị T có đến cửa hàng sơn trao đổi trực tiếp với ông T1, lúc đó bà H đang ở nhà. Đây là việc trao đổi hợp tác bằng miệng, không có văn bản, không phải là hợp đồng mua bán sơn. Nội dung thỏa thuận là chị T sẽ mua sơn ngoại thất và nội thất của hàng sơn KOVA với số lượng, chủng loại và giá tiền được kê chi tiết trong quyển sổ của ông T1 và được chị T ký nhận. Sau đó cùng ngày 03/10/2015 ông T1, chị T và lái xe ô tô của ông T1 đã cùng nhau chở 13 thùng sơn KOVA vào giao tại công trình trạm liên hợp cửa khẩu T3. Ngay sau đó thợ sơn báo sơn kém chất lượng, nên chị T đã thông báo cho ông T1, nhưng ông T1 không đến để xử lý, cho nên không có sự việc ngày 05/10/2015 chị T được nhận tiếp 50 thùng sơn như bà H, ông T1 đã khai tại Tòa. Còn về số tiền đặt cọc 03 triệu đồng, do chị T đã dùng thử (test) 13 thùng sơn giao ngày 03/10/2015 của ông T1 cho nên chị T không lấy lại nữa. Vì vậy chị T không nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của bà H và có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện gửi cho Tòa án ngày 17/4/2023. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không nhất trí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chỉ yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với lãi suất chậm trả 9,6%/năm của số tiền nợ là 77.403.000,đ.

- Người làm chứng Nguyễn Hồng C gửi ý kiến trình bày ngày 27/3/2023: Năm 2015 tôi được bà Đàm Thị T thuê làm sơn công trình trạm liên hợp cửa khẩu T3. Đợt 1 chúng tôi được dùng thử sơn do nhà thầu cung cấp, trong quá trình lăn sơn chúng tôi phát hiện độ bám dính của sơn kém chất lượng và báo cáo lên công ty rồi trực tiếp cho dừng thi công công trình không dùng lô sơn đợt 1 cung cấp nữa. Số sơn không đảm bảo chất lượng đó do nhà thầu tự xử lý, tôi không được bảo quản số sơn trên.

- Người làm chứng Đàm Thị H1 gửi ý kiến trình bày ngày 29/3/2023: Năm 2015 tôi làm thủ kho kiêm kế toán cho Công ty C1 ở cửa khẩu T3, tôi có mặt ở công trường nên thấy sơn của ông T1 kém chất lượng và bên thi công có báo là ngừng, không sử dụng loại sơn này nữa. Chúng tôi đã điện thoại báo cho ông T1, nhưng ông T1 không vào xử lý vì thế công nhân chúng tôi phải bị dừng thi công hai tuần. Trong quá trình quản lý tôi chưa nhận và ký bất kỳ giấy giao nhận sơn với ông T1.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến: Tôi nhất trí với ý kiến trình bày của bị đơn và người được bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng. Tôi chỉ bổ sung ý kiến là: Chị Đàm Thị T đã công nhận được nhận 13 thùng sơn vào ngày 03/10/2015 với ông T1, vì vậy tôi đề nghị hai bên hòa giải, thỏa thuận với nhau về việc thanh toán tiền sơn

của 13 thùng sơn đó.

[4] Tại phiên tòa các bên tranh luận:

[4.1] Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị T phải trả 77.403.000đ tiền sơn còn nợ (gồm 520.000,đ tiền cước sau khi đã trừ 03 triệu đồng tiền đặt cọc của tổng số tiền 79.883.000,đ ghi trong sổ) với lãi suất chậm trả là 9,6%/năm kể từ ngày 05/10/2015 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm (25/5/2023).

[4.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ý kiến:

- Về giao dịch mua bán sơn: Ngày 03/10/2015 cô T trực tiếp đến cửa hàng sơn của vợ chồng tôi để thỏa thuận bằng miệng với tôi (Tin) về việc lấy sơn nội thất, ngoại thất hãng sơn KOVA. Khi đó cô T chỉ nhân danh cá nhân, không thấy nói là đại diện cho công ty mua sơn với cửa hàng tôi. Sau khi thỏa thuận xong, tôi là người trực tiếp giao sơn cho cô T, cô T nhận sơn và kiểm tra từng mã rồi viết và ký nhận vào quyển sổ theo dõi bán hàng của gia đình tôi, còn bà H (vợ tôi) chỉ theo dõi sổ sách, không trực tiếp giao dịch với cô T.

- Không có việc sơn kém chất lượng, vì khi giao 13 thùng sơn vào ngày 03/10/2015 thì mới có giao tiếp 50 thùng sơn vào ngày 05/10/2015. Chính cô T đã trực tiếp kiểm tra, đếm từng mã hàng, viết số lượng và chốt số tiền nợ và ký nhận trong sổ bán hàng của gia đình tôi.

- Về 50 thùng sơn và yêu cầu khi giao nhận sơn phải có giấy tờ: Việc mua bán sơn là thỏa thuận bằng miệng, không có hợp đồng, sau khi giao nhận sơn xong thì cô Thanh c và ký nhận vào sổ, chứ không có điều khoản hay quy trình, hồ sơ kèm theo khi giao sơn cho cô T. Hôm hòa giải tại Tòa cô T mới nói về quy trình giao sơn phải có bộ hồ sơ giấy tờ như cô T nói, tại thời điểm thỏa thuận mua bán sơn và tại thời điểm giao sơn, cô T chưa nói về quy trình giao sơn phải có bộ hồ sơ giấy tờ. Cho nên tôi đã giao đủ số lượng sơn như đã thỏa thuận và cô T đã ký chốt nhận đủ số lượng và số tiền nợ trong sổ. Tóm lại tôi đã thực hiện đầy đủ theo như thỏa thuận.

- Cô T2 nói rằng "Nội dung viết trong sổ là thỏa thuận hợp tác sẽ lấy sơn, chứ không phải là chốt số lượng sơn đã lấy và số tiền sẽ phải thanh toán". Tôi có ý kiến như sau: Cô T2 nói không đúng. Vì cô T2 là người hiểu biết, từng trải trong buôn bán làm ăn và là giám đốc 1 công ty thì không việc đang ở ngày 03/10/2015 mà viết và ký trước cho ngày 05/10/2015 với nội dung: "Ngày 05/10/2015 Tổng 95.860.000,đ - 12% = 79.883.000,đ. Tổng sơn đợt 1 vào công trình (cháu T2) bảy mươi chín triệu tám trăm tám mươi ba (Người nhận) Đàm Thị Thanh ký" ở cuối trang quyển sổ.

- Nội dung trong sổ đã thể hiện rõ số lượng sơn đã giao cho cô T2 và số tiền cô T2 phải thanh toán cho tôi. Tôi chỉ viết thêm những dòng chữ lưu ý để nhớ khi đốc nợ cô T2.

- Về áp dụng thời hiệu khởi kiện: Từ lúc công trình sơn xong, đã rất nhiều lần tôi liên hệ thậm chí lên nhà nhưng cô T2 trốn tránh không gặp, không hợp tác để giải quyết nợ. Cuối cùng tôi mới khởi kiện ra Toà.

[4.3] Bị đơn có đơn xin vắng mặt và đã ủy quyền cho bà Trần Ngọc L tham gia tố tụng.

[4.4] Người được bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng có ý kiến:

- Ngày 03/10/2015 giữa chị T2 và ông T1 có thỏa thuận hợp tác trao đổi bằng miệng, không được lập thành hợp đồng mua bán, hai bên thống kê với nhau về việc đặt hàng hãng sơn là sơn ngoại thất và nội thất KOVA, về số lượng thùng sơn, chủng loại sơn, giá cả sơn, tổng giá trị sơn, thời điểm giao sơn của loại sơn mà chị T2 sẽ mua với cửa hàng của ông T1 để sử dụng cho công trình của mình, nội dung hai bên thống nhất về việc đặt sơn đã được chị T2 tự kê, tự viết chi tiết và ký xác nhận tại quyển sổ của ông T1 vào ngày 03/10/2015 để làm căn cứ cho ông T1 giao hàng.

- Chị T2 công nhận được ông T1 giao nhận 13 thùng sơn KOVA vào ngày 03/10/2015 tại Trạm liên hợp cửa khẩu T3, nhưng do sơn kém chất lượng được thể hiện qua sự thông báo của thợ sơn Nguyễn Hồng C và văn bản báo cáo sự cố công trình (thi công sơn) của Công ty C1 gửi đến Công ty cổ phần X là nhà thầu, cho nên chị T2 đã thông báo cho ông T1 để giải quyết, nhưng ông T1 không hợp tác do đó không có việc chị T2 đã nhận 50 thùng sơn vào ngày 05/10/2015 với ông T1, điều đó được chứng minh ngày 05/10/2015 chị T2 đi công tác tại Hải Phòng để trao đổi thỏa thuận hợp đồng với đối tác nên không có mặt tại công trình Trạm liên hợp cửa khẩu T3 để nhận sơn, nếu ông T1 khẳng định được giao 50 thùng sơn thì ông T1 phải có phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, hóa đơn bán hàng và biên bản giao nhận sơn tại công trình làm căn cứ chứng minh người nào của công ty chị T2 đã nhận sơn của ông T1. Ngoài ra kế toán kiêm thủ kho của Công ty C2 cũng khẳng định không được nhận 50 thùng sơn của ông T1 vào ngày 05/10/2015.

- Về các nội dung "lưu ý 13 thùng x 40.000/1 thùng = 520000" tại dòng thứ 8 từ dưới lên trang số 1 và các nội dung "Ngày 05/10/2015", "Ba triệu tiền đặt trước 3.000.000", "Cháu T2 còn nợ chú T1 – H" và "lưu ý còn 520000 tiền cước của 13 thùng sơn đã gửi ……." tại trang số 2 của bản phô tô sổ ghi nợ do bà H cung cấp cho Tòa án không phải chữ viết của chị T2, không phải nội dung được hai bên thỏa thuận thống nhất vào ngày 03/5/2015 mà là nội dung được

phía ông T1, bà H tự ghi thêm vào sau này nên chị T2 không đồng ý với các nội dung được ghi chèn thêm vào các nội dung do chị T2 tự viết trong sổ của ông T1 và không đồng ý việc phải trả tiền sơn cho ông T1, bà H với số tiền 79.883.000,đ

Do vậy chị T2 không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Tòa án xem xét áp dụng quy định thời hiệu khởi kiện đối với lãi suất chậm trả 9,6%/năm của số tiền nợ là 77.403.000,đ.

[4.5] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến:

- Ngày 03/10/2015 giữa chị T2 và ông T1 chỉ thỏa thuận mua bán bằng miệng mà không lập thành hợp đồng mua bán sơn cụ thể với mục đích để chị T2 sử dụng sơn kiểm tra thử trước cho công trình Trạm liên hợp cửa khẩu T3, nếu sơn không đảm bảo chất lượng chị T2 sẽ không mua của ông T1. Hai bên đã có thỏa thuận với nhau về việc đặt cọc tiền mua sơn là 3.000.000đ và để làm căn cứ cho ông T1 giao hàng chị T2 đã tự mình viết nội dung hai bên thống nhất về hãng sơn, số lượng thùng sơn, chủng loại sơn, giá cả sơn, tổng giá trị sơn, chiết khấu tiền sơn, thời điểm giao sơn và tự mình ký nhận tại quyển sổ của ông T1 vào ngày 03/5/2015. Với số lượng nhiều, chủng loại khác nhau, giá trị sơn, chiết khấu tiền sơn lớn như vậy nhưng không lập thành hợp đồng mua bán cụ thể thì việc chị T2 thống kê ghi trước về hàng hóa là sơn sẽ đặt hàng với ông T1 là hoàn toàn phù hợp với diễn biến thực tế khách quan, tránh phát sinh việc giao nhầm, giao sai về chất lượng, số lượng, chủng loại hàng hóa đã được hai bên thỏa thuận.

- Sự việc sơn không đạt chất lượng theo trình bày của chị T2 phù hợp với lời khai của người làm chứng biết sự việc như: lời khai tại bản tự khai ngày 27/3/2023 anh Nguyễn Hồng C là thợ sơn của công trình: *"...Đợt 1 chúng tôi được dùng thử sơn do nhà thầu cung cấp, trong quá trình lăn sơn chúng tôi phát hiện độ bám dính của sơn kém chất lượng và báo cáo lên công ty rồi trực tiếp cho dừng thi công công trình không dùng lô sơn đợt 1 cung cấp nữa..."* cũng như lời khai của chị Đàm Thị H1 là thủ kho, kế toán của công trình tại bản tự khai ngày 29/3/2023 và phù hợp với Báo cáo sự cố công trình (thi công sơn) ngày 07/11/2015 của Công ty C1 gửi đến Công ty cổ phần X là nhà thầu chính công trình để được tạo điều kiện khắc phục hậu quả và tiếp tục thi công tiếp để kịp tiến độ công trình.

- Việc nguyên đơn cho là đã giao 50 thùng sơn cho chị T2 vào ngày 05/10/2015 là không phù hợp với thực tế khách quan bởi:

+ Ngày 05/10/2015 chị T2 không không có mặt tại công trình Trạm liên hợp để nhận sơn của ông T1 mà đang công tác tại Hải Phòng để thương thảo

hợp đồng của công ty được chứng minh qua Biên bản làm việc về việc "Thương thảo hợp đồng mua bán hàng hóa" lập ngày 05/10/2015 nên không có việc chị T2 tự viết từng mã hàng, số tiền, người nhận và ký vào quyển sổ của ông T1 vào ngày 05/10/2015 như trình bày của ông T1 và bà H mà thực tế đây là nội dung đã được hai bên thỏa thuận và thống nhất vào ngày 03/10/2015 để làm căn cứ giao hàng trên thực tế;

+ Ông T1 không có phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, hóa đơn bán hàng của 50 thùng sơn và không có biên bản giao nhận sơn tại công trình làm căn cứ chứng minh người nào của công ty chị T2 đã nhận sơn của ông T1 giao. Theo lời khai của người làm chứng là chị Đàm Thị H1 – thủ kho của công trình tại bản tự khai ngày 29/3/2023 cũng xác nhận: "trong quá trình quản lý tôi chưa được nhận và ký bất kỳ giấy giao nhận sơn của ông T1 và không được ký giấy tờ sơn gì với ông T1 cả". Nay tại phiên tòa ông T1, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác về việc chị T2 hoặc người của công ty chị T2 đã nhận 50 thùng sơn do ông T1 giao đến công trình Trạm liên hợp vào ngày 5/10/2015.

Vì sơn ông T1 không đảm bảo chất lượng và chị T2 đã thông báo cho ông T1 đến nhận lại số sơn không đạt yêu cầu được giao đợt 1 và giải quyết thiệt hại về việc giao sơn không đạt yêu cầu nhiều lần nhưng ông T1 không hợp tác, không đến nhận lại mà để cho chị T2 tự giải quyết là do lỗi ông T1. Đối với số sơn chị T2 đã dùng thử chị T2 đã tạm ứng trước cho ông T1 số tiền 3.000.000đ và nay chị T2 đã có ý kiến số tiền này sẽ được trừ vào số sơn đã dùng thử cho công trình không có yêu cầu trả lai. Bên cạnh đó, chị T2 và công ty C1 không được nhận số lượng 50 thùng sơn vào ngày 05/10/2015 từ ông T1.

Do vậy có căn cứ chị T2 không có nghĩa vụ phải trả tiền mua sơn như yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Giữa chị T2 với ông T1 không có thỏa thuận về chi phí vận chuyển, việc vận chuyển trước 13 thùng sơn vào công trình của công ty chị T2 để kiểm tra và thử trước sử dụng xe ô tô con riêng của ông T1, do phía ông T1 tự nguyện vận chuyển 13 thùng sơn từ P đến cửa khẩu T3. Thực tế nội dung *"lưu ý 13 thùng x 40.000/1 thùng = 520000"* tại trang 01 và *"lưu ý còn 520000 tiền cước của 13 thùng sơn đã gửi ……"* tại trang 02 của quyển sổ ghi nợ do bà H cung cấp là chữ của ông T1 tự ghi thêm, ghi chèn vào sau đó, chị T2 không được biết, việc này đã được ông T1 thừa nhận tại buổi hòa giải của Tòa án nên chị T2 không có trách nhiệm phải thanh toán cho phía ông T1 tiền cước vận chuyển với số tiền 520.000,đ.

- Thực tế giao dịch mua bán sơn giữa chị T2 với ông T1 đã xảy ra từ tháng 10/2015, tại nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án bà H đã

tự xác định và cho là thời điểm chị T2 không thanh toán tiền sơn cho bà H được tính từ ngày 05/10/2015 nhưng đến ngày 14/2/2023, tức là sau hơn 07 năm bà H mới có đơn khởi kiện chị T2 tại Tòa án yêu cầu thanh toán tiền nợ sơn. Theo quy định tại Điều 427 BLDS 2005 thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân bị xâm phạm, theo quy định tại Điều 429 BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên trường hợp khởi kiện của bà H là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 17/4/2023 chị T2 đã có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trước khi Tòa án xét xử vụ án.

Với những căn cứ nêu trên tôi đề nghị Hội đồng xét xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với lãi suất chậm trả 9,6%/năm của số tiền nợ là 77.403.000,đ.

Tại bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 4 Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 280, 438 và Điều 441 của Bộ luật dân sự 2005; Điểm a, b khoản 1 Điều 157, Điều 429 và điểm c, d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Toà án, tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn Đàm Thị T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Phạm Thị H tiền sơn còn nợ là **76.883.000,đ** *(Bảy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn).* Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo quy định của Ngân hàng N hoặc theo sự thoả thuận của các bên đương sự (nếu có), nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2017 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTPngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị H về phần tiền cước của 13 thùng sơn với số tiền là 520.000,đ (Năm trăm hai mươi nghìn đồng).

[3] Đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu lãi suất chậm trả 9,6%/năm của số tiền 77.403.000,đ mà nguyên đơn Phạm Thị H yêu cầu.

[4] Không chấp nhận phần yêu cầu của bị đơn Đàm Thị T về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với số tiền 77.403.000,đ mà nguyên đơn khởi kiện. Chấp nhận phần yêu cầu của bị đơn Đàm Thị T về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với phần yêu cầu lãi suất chậm trả 9,6%/năm của nguyên đơn.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn Phạm Thị H phải chịu án phí đối với phần không được Tòa án chấp nhận là 300.000,đ *(Ba trăm nghìn đồng)* để sung vào ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.010.000,đ đã nộp theo biên lai số 0004727 ngày 14/02/2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Hòa thu, nay nguyên đơn còn được trả lại 9.710.000,đ *(Chín triệu bảy trăm mười nghìn đồng).*

Bị đơn Đàm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm vì thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định.

*"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 6 năm 2023 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của bị đơn Đàm Thị T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết như sau: Xét xử lại và sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị H về việc "buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn Phạm Thị H tiền sơn còn nợ là 76.883.000đ".

Tại phiên tòa phúc thẩm.

*Người được bị đơn ủy quyền tham gia tố tụng trình bày*: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Khẳng định những nội dung trong sổ ghi chép bán hàng của bà H

ông T1 về số lượng, chủng loại, giá cả, tổng giá trị sơn, thời điểm giao sơn được chị T tự kê, tự viết chi tiết và ký xác nhận được viết vào ngày 03/10/2015 là thỏa thuận đặt hàng để làm căn cứ cho ông T1 giao hàng chứ không phải xác nhận đã nhận hàng.

Chị T công nhận được ông T1 trực tiếp giao nhận 13 thùng sơn KOVA vào ngày 03/10/2015 tại Trạm liên hợp cửa khẩu T3, nhưng do sơn kém chất lượng được thể hiện qua sự thông báo của thợ sơn Nguyễn Hồng C và văn bản báo cáo sự cố công trình (thi công sơn) của Công ty C1 gửi đến Công ty cổ phần X là nhà thầu, cho nên chị T đã thông báo cho ông T1 để giải quyết, nhưng ông T1 không hợp tác.

Ngày 05/10/2015 chị T không có mặt tại Trạm liên hợp cửa khẩu để nhận sơn với ông T1 được chứng minh bằng việc chị T đi công tác tại Hải Phòng để trao đổi thỏa thuận hợp đồng với đối tác.

Ông T1 không có chứng cứ gì để chứng minh việc được giao 50 thùng sơn vào ngày 05/10/2015. Nếu có việc giao sơn phải có phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, hóa đơn bán hàng và biên bản giao nhận sơn tại công trình làm căn cứ chứng minh người nào của công ty chị T đã nhận sơn của ông T1. Ngoài ra kế toán kiêm thủ kho của Công ty C2 cũng khẳng định không được nhận 50 thùng sơn của ông T1.

Chị T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị Tòa án xem xét áp dụng thời hiệu khởi kiện. Không chấp nhận trả cho nguyên đơn Phạm Thị H số tiền sơn còn nợ là 76.883.000 đồng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:* Ngày 03/10/2015 giữa chị T và ông T1 chỉ thỏa thuận mua bán bằng miệng mà không lập thành hợp đồng mua bán cụ thể với mục đích để chị T sử dụng sơn kiểm tra thử trước cho công trình, nếu sơn không đảm bảo chất lượng chị T sẽ không mua của ông T1. Hai bên đã có thỏa thuận với nhau về việc đặt cọc tiền mua sơn là 3.000.000 đồng và để làm căn cứ cho ông T1 giao hàng chị T đã tự mình viết nội dung hai bên thống nhất về hãng sơn, số lượng, chủng loại sơn, giá, tổng giá trị sơn, chiết khấu tiền sơn, thời điểm giao sơn và ký nhận tại quyển sổ của ông T1 vào ngày 03/10/2015.

Sự việc sơn không đạt chất lượng theo trình bày của chị T phù hợp với lời khai của người làm chứng biết sự việc như: lời khai tại bản tự khai ngày 27/3/2023 anh Nguyễn Hồng C là thợ sơn của công trình cũng như lời khai của chị Đàm Thị H1 là thủ kho, kế toán của công ty tại bản tự khai ngày 29/3/2023 và phù hợp với Báo cáo sự cố công trình (thi công sơn) ngày 07/11/2015 của

Công ty C1 gửi đến Công ty cổ phần X là nhà thầu chính công trình để được tạo điều kiện khắc phục hậu quả và tiếp tục thi công tiếp để kịp tiến độ công trình.

Việc nguyên đơn cho là đã giao 50 thùng sơn cho chị T vào ngày 05/10/2015 là không phù hợp với thực tế khách quan bởi: Ngày 05/10/2015 chị T không không có mặt tại công trình Trạm liên hợp để nhận sơn của ông T1 mà đang công tác tại Hải Phòng để thương thảo hợp đồng của công ty được chứng minh qua Biên bản làm việc về việc "Thương thảo hợp đồng mua bán hàng hóa" lập ngày 05/10/2015. Ông T1 không cung cấp được phiếu xuất kho, phiếu giao hàng, hóa đơn bán hàng của 50 thùng sơn và không có biên bản giao nhận sơn tại công trình làm căn cứ chứng minh người nào của công ty chị T đã nhận sơn của ông T1 giao. Tại phiên tòa ông T1, bà H cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác về việc chị T hoặc người của công ty chị T đã nhận 50 thùng sơn do ông T1 giao đến công trình Trạm liên hợp vào ngày 05/10/2015.

Với những căn cứ nêu trên tôi đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền sơn còn nợ là 76.883.000 đồng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày*: Ngày 03/10/2015 giữa chị T, ông T1 và bà H có thỏa thuận hợp đồng mua bán sơn bằng miệng, có đặt cọc và ngay trong ngày 03/10/2015 hai bên đã giao nhận 13 thùng sơn tại công trình Trạm liên hợp của khẩu Trà L1 do chị T là người trực tiếp nhận. Việc trao đổi thỏa thuận mua bán không thể hiện việc khi giao nhận sơn phải có hợp đồng, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận. Các nội dung được ghi trong sổ theo dõi bán hàng về số lượng, chủng loại, giá tiền, thời gian đều do chị T tự viết ra, ký xác nhận từng phần.

Việc chị T cho rằng số sơn được giao ngày 03/10/2015 sau khi dùng thử không được lập thành biên bản hoặc có đánh giá của cơ quan chuyên môn, chỉ là ý kiến của một phía. Đối với số sơn còn lại được xử lý như thế nào phía bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Bản chất của vụ án là đòi nợ phát sinh từ việc mua bán sơn, người mua đã ký nhận, số lượng, số tiền sơn trong sổ theo dõi bán hàng của người bán.

Tại biên bản hòa giải ngày 20/4/2023, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: "Chị Đàm Thị T đã công nhận được nhận 13 thùng sơn vào ngày 03/10/2015 với ông T1. Điều đó cho thấy bên bị đơn đã thừa nhận một phần nghĩa vụ của mình, thừa nhận thực hiện xong một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện trước ngày 17/4/2023 là ngày bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 157 của Bộ luật dân sự 2015 thì bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự kể từ ngày

29/3/2023 (là ngày chị T thừa nhận việc được nhận 13 thùng sơn với ông T1 ngày 03/10/2015 và xử lý 03 triệu đồng tiền đặt cọc đối với 13 thùng sơn này). Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa.

*Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày*: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm: Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bản chất của vụ án là kiện đòi nợ phát sinh từ việc mua bán sơn có chứng cứ là người mua sơn đã ký nhận chốt số lượng sơn và số tiền mua sơn trong sổ theo dõi bán hàng của người bán. Vụ án này được xác định bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vì bị đơn thừa nhận một phần nghĩa vụ đối với nguyên đơn trước khi bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đàm Thị T thừa nhận những nội dung trong sổ theo dõi bán hàng của ông T1, bà H là do chị T tự viết ra, tự ký nhận, trừ những dòng chữ in nghiêng và gạch chân là chữ của ông T1 viết thêm vào. Những nội dung trên thể hiện chị Đàm Thị T đã nhận sơn với ông Nguyễn Văn T1 và tự chị Đàm Thị Thanh v, ký nhận về số lượng sơn, số tiền sơn phải trả cho ông T1 mà không phải là nội dung thỏa thuận viết trước từ ngày 03/10/2015 để làm căn cứ giao sơn cho ngày 05/10/2015. Nếu viết trước thì phải ghi là người đặt hàng, chứ không thể là người nhận. Vì vậy các ý kiến của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người làm chứng và các tài liệu do bị đơn cung cấp là không có căn cứ và giá trị chứng minh cho việc chị T không được nhận 50 thùng sơn vào ngày 05/10/2015 với ông T1. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ sơn là có căn cứ.

Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Bác kháng cáo của bị đơn Đàm Thị T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án với quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Phạm Thị H khởi kiện bị đơn Đàm Thị T yêu cầu tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn Đàm Thị T có địa chỉ tại phố C, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[3] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về yêu cầu kháng cáo bị đơn Đàm Thị Thanh như sau:

Bị đơn Đàm Thị T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền sơn còn nợ là 76.883.000đ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. HĐXX xét thấy:

Bản chất của vụ án là kiện đòi nợ phát sinh từ việc mua bán sơn có chứng cứ là người mua sơn đã ký nhận chốt số lượng sơn và số tiền mua sơn trong sổ theo dõi bán hàng của người bán. Vụ án này được xác định bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện vì bị đơn thừa nhận một phần nghĩa vụ đối với nguyên đơn trước khi bị đơn có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Ngày 03/10/2015 chị Đàm Thị T có đến cửa hàng sơn của bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Văn T1 tại Tổ dân phố Đ, thị trấn T, huyện Q, tỉnh Cao Bằng để trao đổi thỏa thuận bằng miệng với ông T1 với tư cách cá nhân về việc mua sơn, các bên không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng miệng về hãng sơn, chủng loại, số lượng, giá tiền. Ngay sau đó chị T đã đặt cọc 3.000.000 đồng, rồi ông T1 cùng chị T và lái xe chở 13 thùng sơn vào Trạm liên hợp cửa khẩu T3. Ngày 05/10/2015 chị T viết mã sơn, số lượng 50 thùng sơn, số tiền vào sổ theo dõi bán hàng của gia đình ông T1 và chốt tổng số tiền là 79.883.000,đ rồi ký người nhận Đàm Thị T.

Trong tờ giấy được lấy ra từ quyển sổ theo dõi bán hàng mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa thể hiện nội dung sau:

*Thanh Cách L nợ tiền sơn:*

1) Ngày 03/10/2015: chuyển 13 thùng sơn lót kháng kiềm cao cấp.

2) S ngoài trời có 2 màu:

- (KV 251P) – đặt 7 thùng.
- (KV 395T*) – đặt 5 thùng.
- Đặt 10 thùng sơn màu trắng.

I. Ngày 03/10/2015 cháu T đã đưa 3.000.000 đồng tiền sơn cho chú T1.

- Nhận 13 thùng sơn x 2.090.000 = 27.170.000.

Đàm Thị T (có ký tên và ghi rõ họ tên)

*Lưu ý 13 thùng x 40.000/thùng C = 520.000*

II. Ngày 05/10/2015:

- 10 thùng sơn KV 395T + K5501 x 1.728.000 + 400.000 = 21.280.000.
- 15 thùng KV 251P + K261 x 1.204.000 + 120.000 = 19.860.000.
- KV261 - 25 thùng x 1.102.000 = 27.550.000.

Ngày 05/10/2015: Tổng 95.860.000 – 12% = 79.883.000,đ.

*Ba triệu tiền đặt trước* 3.000.000

Tổng sơn đợt 1 vào công trình (cháu T): bảy mươi chín triệu tám trăm tám ba.

*Cháu T còn nợ chú T1 – Hải*

Người nhận: Đàm Thị T (có ký tên và ghi rõ họ tên).

*(Lưu ý: còn 520.000 tiền cước của 13 thùng đầu gửi từ Hà Nội)*

Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đàm Thị T thừa nhận những dòng chữ nêu trên là do chị Đàm Thị Thanh t viết ra, tự ký nhận, trừ những dòng chữ in nghiêng và gạch chân là chữ của ông T1 viết thêm vào (Thẩm phán quy ước dòng in nghiêng gạch chân để phân biệt là chữ ông T1 viết thêm vào). Những nội dung trên thể hiện chị Đàm Thị T đã nhận sơn với ông Nguyễn Văn T1 và tự chị Đàm Thị Thanh v, ký nhận về số lượng sơn, số tiền sơn phải trả cho ông T1 mà không phải là nội dung thỏa thuận viết trước từ ngày 03/10/2015 để làm căn cứ giao sơn cho ngày 05/10/2015. Nếu viết trước thì phải ghi là người đặt hàng, chứ không thể là người nhận. Vì vậy các ý kiến của bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, người làm chứng và các tài liệu do bị đơn cung cấp là không có căn cứ và giá trị chứng minh cho việc chị T không được nhận 50 thùng sơn vào ngày 05/10/2015 với ông T1.

Từ những chứng cứ và sự phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ sơn là có căn cứ. Tuy nhiên đối với yêu cầu 520.000,đ tiền cước của 13 thùng sơn là không có căn cứ vì nội dung này ông T1 tự viết thêm vào mà không được chị T nhất trí, mặt khác trước đó các bên không có điều khoản thỏa thuận về cước vận chuyển, do đó Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là: 77.403.000,đ tiền gốc

nợ sơn - 520.000,đ tiền cước = 76.883.000,đ là số tiền được xác định bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn theo sổ theo dõi bán hàng mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án là có căn cứ.

Do đó kháng cáo của bị đơn yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị H về việc "buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn Phạm Thị H tiền sơn còn nợ là 76.883.000đ" là không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX cần được chấp nhận.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn Đàm Thị T được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đàm Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Bị đơn Đàm Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh CB;
- Chi cục THADS huyện Quảng Hòa;
- TAND huyện Quảng Hòa;
- Các đương sự;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**Doanh Thị Mây**